

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Việt Nam trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Khai quát về Công ty:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Việt Nam (sau đây viết tắt là "Công ty") hiện đang là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Thuế Việt Nam thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0117701300000000000 và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 10 năm 2007, sau khi chuyển đổi Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102357411 ngày 23 tháng 10 năm 2015 theo Giấy số 01/02357411 ngày 10/10/2015 do Sở Kế

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3 - 4
3	Báo cáo tài chính đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>	5 - 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	7 - 8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</i>	9 - 10
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ</i>	11 - 24

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Huy Thành

Bà Đặng Thị Tuyết Lan

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Thuế Long - T.D.K là Công ty kiểm toán có chứng chỉ được cấp cho Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Thuế Long - T.D.K lấy 10 nguyên vọng được cấp quyền kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm này đây.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên đây, đồng ý hợp lý trình bày tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty không định những vấn đề sau đây:

- Lập sheet các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Dự trữ các định giá và dự đoán hợp lý và thận trọng
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở các thủ tục Chuẩn mực kế toán Việt Nam, CHẾ ĐỘ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo
- Các số kế toán được trình bày để quản lý nội bộ và kế toán của Công ty, với mức độ phức tạp hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo tính trung thực và chính giữa niên độ trên cơ sở các quy

MỤC LỤC

STT NỘI DUNG Trang

1 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 1-2

2 Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ 3-4

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Kết thúc ngày 30/06/2016

Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương Mại Việt Nam trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương Mại Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư thương mại Việt Nam thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102032308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 10 năm 2007, Sau khi chuyển đổi Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035143 ngày 23 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần 09 số 0102382580 ngày 30/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty: số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 80.000.000.000 đồng (*Tám mươi tỷ đồng*)

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Thành viên
Ông Dương Quang Đông	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên
Ông Phạm Thành Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Huy Thành	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016



PHẠM HUY THÀNH



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com
Email: thanglongkiemtoan@gmail.com / admin@thanglongtdk.com.vn

Số: 108.1 /BCKT - TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương Mại Việt Nam

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương Mại Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương Mại Việt Nam ("Công ty"), được lập ngày 08/08/2016 từ trang 04 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương Mại Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K
Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN TRUNG KIÊN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số: 1129-2014-045-1

Tài sản	Mã	Đơn vị tính	Số cuối quý	Số đầu quý
I Tài sản ngắn hạn	100		138.789.415.045	76.376.071.515
1 Tiền và các khoản phải thu ngắn hạn	101	V.00	13.585.298.731	6.376.434.541
2 Phải thu ngắn hạn khác	102	V.01	12.585.208.731	6.376.434.541
3 Hàng tồn kho	103		0	0
4 Các khoản phải thu ngắn hạn	104		87.642.896.962	46.293.203.202
5 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	101	V.00	59.191.631.236	37.542.237.876
6 Phải thu ngắn hạn khác	102	V.01	28.451.265.726	8.751.966.326
II Tài sản dài hạn	200		29.877.666.617	23.157.111.177
1 Hàng tồn kho	101	V.01	29.877.666.617	23.157.111.177
2 Tài sản ngắn hạn khác	102		0	0
3 Chi phí trả trước dài hạn	101	V.06	141.561.500	21.905.000
4 Thuế GTGT được khấu trừ	102		64.992.096	377.578.172
5 Tài sản dài hạn	100		46.679.568.747	46.945.798.963
6 Các khoản phải thu dài hạn	101		0	0
7 Tài sản cố định	100		6.363.513.424	7.156.798.206
8 Tài sản cố định hữu hình	101	V.07	6.363.513.424	7.156.798.206
9 Nguyên giá	102		1.428.837.454	1.544.357.810
10 Giá trị hao mòn lũy tích	103		22.438.728.630	16.949.089.612
11 Tài sản vô hình	100		0	0
12 Tài sản vô hình không xác định	100		0	0
13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	100	V.08	27.316.055.200	30.000.000.000
14 Công ty con công ty liên kết, liên doanh	101		26.345.000.000	26.000.000.000
15 Đầu tư vào vốn vào đến vì hạn	102		1.000.000.000	0
16 Tài sản dài hạn khác	100		2.498.643.324	1.516.410.697
17 Chi phí trả trước dài hạn	101	V.06	2.069.053.324	1.516.410.697
Tổng cộng tài sản	100		177.467.083.792	122.842.811.715

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2016

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		130.789.415.045	76.126.622.815
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>13.585.208.731</i>	<i>6.326.634.543</i>
1	Tiền	111	V.01	13.585.208.731	6.326.634.543
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>0</i>	<i>0</i>
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>87.842.006.062</i>	<i>46.293.384.302</i>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	39.193.631.730	36.582.227.970
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	36.648.374.332	9.711.156.332
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	12.000.000.000	0
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>29.077.646.653</i>	<i>23.157.117.277</i>
1	Hàng tồn kho	141	V.05	29.077.646.653	23.157.117.277
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>284.553.599</i>	<i>349.486.693</i>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06.1	187.561.503	21.908.181
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		96.992.096	327.578.512
B	Tài sản dài hạn	200		46.678.568.747	46.715.398.903
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>0</i>	<i>0</i>
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>6.569.513.424</i>	<i>7.198.988.206</i>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	6.569.513.424	7.198.988.206
	- Nguyên giá	222		8.620.041.454	8.548.677.818
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.050.528.030)	(1.349.689.612)
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		<i>0</i>	<i>0</i>
<i>IV</i>	<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>0</i>	<i>0</i>
<i>V</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.08</i>	<i>37.500.000.000</i>	<i>36.000.000.000</i>
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		36.000.000.000	36.000.000.000
2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.500.000.000	0
<i>VI</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>2.609.055.323</i>	<i>3.516.410.697</i>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06.2	2.609.055.323	3.516.410.697
	Tổng cộng tài sản	270		177.467.983.792	122.842.021.718

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Quý 2 năm 2016

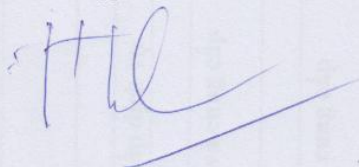
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		81.578.424.321	33.296.302.391
I	Nợ ngắn hạn	310		81.170.438.821	32.761.023.891
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	28.538.361.108	22.267.980.076
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	42.097.739.576	5.356.650.439
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.398.084.964	2.588.462.428
4	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	25.247.192	154.924.967
5	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13.1	6.972.586.000	2.254.586.000
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		138.419.981	138.419.981
II	Nợ dài hạn	330		407.985.500	535.278.500
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13.2	407.985.500	535.278.500
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		95.889.559.471	89.545.719.327
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.14.2	95.889.559.471	89.545.719.327
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		415.259.943	415.259.943
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.474.299.528	9.130.459.384
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.130.459.384	220.471.439
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.343.840.144	8.909.987.945
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
	Tổng cộng nguồn vốn	440		177.467.983.792	122.842.021.718

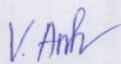
Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu



NGUYỄN VĂN HÙNG

Kế toán trưởng



VŨ THỊ VÂN ANH



PHẠM HUY THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1	2	3	4	5	6	7	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	93.068.051.357	33.188.532.976	154.632.179.158	88.809.484.135	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		93.068.051.357	33.188.532.976	154.632.179.158	88.809.484.135	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	87.574.060.270	28.758.543.990	144.316.639.829	79.224.426.608	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.493.991.087	4.429.988.986	10.315.539.329	9.585.057.527	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	44.424.214	1.727.198	46.049.013	49.597.327	
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	116.608.441	102.900.459	214.069.697	205.856.405	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		214.069.697	102.900.459	214.069.697	205.856.405	
8. Chi phí bán hàng	24		291.518.798	481.977.353	577.232.474	767.170.487	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		889.323.946	683.830.138	1.552.667.035	1.343.021.197	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+(25+26)}	30		4.240.964.116	3.163.008.234	8.017.619.136	7.318.606.765	
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-	
12. Chi phí khác	32	VI.05	-	-	64.656.456	2.514.210	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-	(64.656.456)	(2.514.210)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.240.964.116	3.163.008.234	7.952.962.680	7.316.092.555	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	848.192.823	695.861.811	1.609.122.536	1.610.093.488	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.392.771.293	2.467.146.423	6.343.840.144	5.705.999.067	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	424	308	793	713	

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016


Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu



NGUYỄN VĂN HÙNG

Kế toán trưởng



VŨ THỊ VÂN ANH

Tổng Giám đốc



PHẠM HUY THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	1	7.952.962.680	7.316.092.555
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	752.848.386	576.047.725
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(44.042.557)	(49.597.327)
- Chi phí lãi vay	6	214.069.697	205.856.405
- Các khoản điều chỉnh khác	7	-	
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	8	8.875.838.206	8.048.399.358
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(41.318.035.344)	19.474.311.492
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.920.529.376)	(7.896.696.618)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	42.881.792.394	(2.186.340.331)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	741.702.052	318.624.700
- Tiền lãi vay đã trả	14	(214.069.697)	(205.856.405)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(799.500.000)	(917.562.568)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	20	4.247.198.235	16.634.879.628
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(135.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	9.619.940	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.000.000.000	6.010.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13.500.000.000)	(12.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	46.049.013	49.597.327
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(1.579.331.047)	(5.940.402.673)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.496.000.000	4.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.905.293.000)	(4.033.168.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(4.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	4.590.707.000	(4.033.168.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50	7.258.574.188	6.661.308.955
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.326.634.543	4.635.797.415
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	13.585.208.731	11.297.106.370

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HÙNG

VŨ THỊ VÂN ANH

PHẠM HUY THÀNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2016

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư thương mại Việt Nam thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102032308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 10 năm 2007, Sau khi chuyển đổi Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035143 ngày 23 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần 09 số 0102382580 ngày 30/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty: số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 80.000.000.000 đồng (*Tám mươi tỷ đồng*)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, và dịch vụ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành việc bán hàng.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

3.1. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi : Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Máy móc thiết bị | 05 – 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 – 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 08 năm |

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Hạch toán vào chi phí này bao gồm :

- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ;
- Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng;

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

8. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

9.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

9.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

8.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

9.1. Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

9.2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.
- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 Tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.621.779.823	1.863.197.612
Tiền gửi ngân hàng (VND)	8.963.428.908	4.463.436.931
Cộng	<u>13.585.208.731</u>	<u>6.326.634.543</u>

2 Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>2.1. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	-	-
<i>2.2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>39.193.631.730</i>	<i>36.582.227.970</i>
Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Ánh Sao	4.735.810.403	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng CTGT 248	1.850.464.969	1.850.464.969
Công ty cổ phần đầu tư xây lắp Vạn Xuân	-	4.578.542.000
Công ty cổ phần đầu tư everland	-	2.590.857.500
Công ty cổ phần đầu tư PTS	4.950.603.735	-
Công Ty TNHH Quang Ngân Việt Nam	11.527.884.720	8.614.487.420
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Thanh Tùng	-	2.966.820.700
Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình Trường Thịnh	-	1.105.425.080
Công ty TNHH Thương Mại và Kỹ Thuật Việt Dũng	1.018.969.600	1.018.969.600
Các đối tượng khác	15.109.898.303	13.856.660.701
Cộng	<u>39.193.631.730</u>	<u>36.582.227.970</u>

3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Bông Sen Vàng	-	1.470.000.000
Công ty TNHH XNK Nguyễn Xuân	30.000.000.000	-
Công Ty TNHH Quang Ngân Việt Nam	6.260.656.111	6.805.721.511
Công ty cổ phần Công Nghệ và Truyền Thông Sông Hồng	-	633.000.000
Các đối tượng khác	387.718.221	802.434.821
Cộng	<u>36.648.374.332</u>	<u>9.711.156.332</u>

4 Phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
<i>4.1. Ngắn hạn</i>	<i>12.000.000.000</i>	-	-	-
Tạm ứng	12.000.000.000	-	-	-
Cộng	<u>12.000.000.000</u>	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

5 Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	17.570.066.291	-	3.415.189.963	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	183.419.785	-
- Thành phẩm	2.168.075.339	-	11.918.864.531	-
- Hàng hoá	9.339.505.023	-	7.639.642.998	-
Cộng	29.077.646.653	-	23.157.117.277	-

6 Chi phí trả trước

	Số cuối quý	Số đầu năm
6.1. Chi phí trả trước ngắn hạn	187.561.503	21.908.181
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	69.911.503	21.908.181
- Đồng phục nhân viên	67.650.000	-
- Phí kiểm toán BCTC 2015	50.000.000	-
6.2. Chi phí trả trước dài hạn	2.609.055.323	3.516.410.697
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	135.094.829	135.215.167
- Sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	2.473.960.494	3.282.528.862
- Chi phí khác	-	98.666.668
Cộng	2.796.616.826	3.538.318.878

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Mức tăng	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	Trừ
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	6.894.600.000	1.551.077.818	103.000.000	8.548.677.818	
- Mua trong kỳ			135.000.000	135.000.000	
- Thanh lý, nhượng bán		(63.636.364)		(63.636.364)	
Số dư cuối quý	6.894.600.000	1.487.441.454	238.000.000	8.620.041.454	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.110.874.073	191.130.355	47.685.184	1.349.689.612	
- Khấu hao trong kỳ	604.999.998	111.792.834	36.055.554	752.848.386	
- Thanh lý, nhượng bán		(52.009.968)		(52.009.968)	
Số dư cuối quý	1.715.874.071	250.913.221	83.740.738	2.050.528.030	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
1. Tại ngày đầu năm	5.783.725.927	1.359.947.463	55.314.816	7.198.988.206	
2. Tại ngày cuối quý	5.178.725.929	1.236.528.233	154.259.262	6.569.513.424	

8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát Việt Nam	24.000.000.000		24.000.000.000	
Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và truyền thông	12.000.000.000		12.000.000.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Công ty TNHH MBG Long An	1.500.000.000		1.500.000.000	
Cộng	37.500.000.000	37.500.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn

STT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ phần biểu quyết năm giữ
1	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát Việt Nam	30%	30%
2	Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và Truyền thông	40%	40%
3	Công ty CP MBG Long An	15%	15%

9 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị	
Công ty CP Đông Nam Á- Việt Nam	1.561.036.500	1.561.036.500	1.561.036.500
công ty TNHH Thương Mại Hà Vĩnh	1.654.253.390	2.472.041.000	2.472.041.000
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp Minh Huy	11.036.419.662	255.785.017	255.785.017
Công Ty TNHH Kim Khí Ngọc Hà	2.238.225.220	-	-
Công ty TNHH thương mại và xây dựng thanh bình Vi Na	7.124.226.572	13.652.520.422	13.652.520.422
Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thành Hạnh	155.074.975	2.889.912.414	2.889.912.414
Công ty TNHH Toàn Thịnh - Bắc Giang	2.614.265.829	456.971.223	456.971.223
Các đối tượng khác	2.154.858.960	979.713.500	979.713.500
Cộng	28.538.361.108	22.267.980.076	22.267.980.076

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần xây Lắp Điện và Thương Mại An Dương	1.344.493.225	-
Công ty cổ phần xây dựng đường bộ 248 - CIENCO1	1.219.142.189	1.219.142.189
Công ty cổ phần đầu tư everland	31.500.000.000	-
Công ty cổ phần công nghệ Quốc Gia	3.220.923.942	-
Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình Trường Thịnh	2.380.099.220	-
Công ty Cổ phần xây dựng thương mại công nghiệp và xuất nhập khẩu Vật tư Thiết Bị	1.200.000.000	-
Công ty CP Xuân Nam Việt	-	3.813.000.000
Các đối tượng khác	1.233.081.000	324.508.250
Cộng	<u>42.097.739.576</u>	<u>5.356.650.439</u>

11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.588.462.428	1.609.122.536	799.500.000	3.398.084.964
- Các loại thuế khác	-	8.500.000	8.500.000	-
Cộng	<u>2.588.462.428</u>	<u>1.617.622.536</u>	<u>808.000.000</u>	<u>3.398.084.964</u>

12 Phải trả khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
12.1. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	7.516.280	4.971.780
Bảo hiểm xã hội	9.586.965	8.964.785
Bảo hiểm y tế	2.118.465	2.010.780
Bảo hiểm thất nghiệp	666.540	618.680
Phải trả, phải nộp khác	5.358.942	138.358.942
Cộng	<u>25.247.192</u>	<u>154.924.967</u>

13 Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối quý		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
13.1. Vay ngắn hạn	6.972.586.000	6.972.586.000	8.623.293.000	3.905.293.000	2.254.586.000	2.254.586.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (1)	3.778.000.000	3.778.000.000	5.556.000.000	3.778.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (2)	254.586.000	254.586.000	127.293.000	127.293.000	254.586.000	254.586.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	2.940.000.000	2.940.000.000	2.940.000.000	-	-	-
13.2. Vay dài hạn	407.985.500	407.985.500	-	127.293.000	535.278.500	535.278.500
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (2)	407.985.500	407.985.500	-	127.293.000	535.278.500	535.278.500
	7.380.571.500	7.380.571.500	8.623.293.000	4.032.586.000	2.789.864.500	2.789.864.500

(1) Hợp đồng cung cấp hạn mức số 2756/15/TD-TT/II.3 ngày 25/06/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp hạn mức (sửa đổi lần 1) số 6592/15/PLTD-TT/II.3 ngày 29/12/2015.

(2) Hợp đồng số LD1422600004 và Hợp đồng số LD151960004, Mục đích: Mua ô tô

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 90962.15.051.1970764.TD ngày 24/03/16 ký kết với NH TMCP Quân Đội - CN Điện Biên Phủ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

14. Vốn chủ sở hữu

14.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5
- Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	133.234.218	4.220.471.439	84.353.705.657
- Lãi tăng trong năm trước	-	-	9.286.022.246	9.286.022.246
- Tăng khác	-	282.025.725	-	282.025.725
- Giảm khác	-	-	(4.376.034.301)	(4.376.034.301)
- Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	415.259.943	9.130.459.384	89.545.719.327
- Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	415.259.943	9.130.459.384	89.545.719.327
- Lãi tăng trong kỳ	-	-	6.343.840.144	6.343.840.144
Số dư cuối quý này	80.000.000.000	415.259.943	15.474.299.528	95.889.559.471

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

14.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000

14.3. Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cộng	<u>8.000.000</u>	<u>8.000.000</u>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

14.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	415.259.943	415.259.943

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 Doanh thu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Hoạt động bán hàng	99.244.570.316	34.878.157.267
Hoạt động xây lắp và cung cấp thiết bị	53.607.708.842	49.615.944.392
Dịch vụ vận chuyển	1.779.900.000	4.315.382.476
Cộng	154.632.179.158	88.809.484.135
2 Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Hoạt động bán hàng	94.777.196.488	33.131.912.183
Hoạt động xây lắp và cung cấp thiết bị	47.823.752.741	41.931.567.402
Dịch vụ vận chuyển	1.715.690.600	4.160.947.023
Cộng	144.316.639.829	79.224.426.608
3 Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.382.346	14.538.994
Lãi cho vay	42.666.667	35.058.333
Cộng	46.049.013	49.597.327
4 Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	214.069.697	205.856.405
Cộng	214.069.697	205.856.405
5 Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.006.456	-
Phạt nộp chậm thuế	90.000	2.514.210
Tiền phạt thuế	62.560.000	-
Cộng	64.656.456	2.514.210
6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi tiêu		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.952.962.680	7.316.092.555
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	92.650.000	2.514.210
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế - chuyển lỗ	-	-
Thu nhập chịu thuế	8.045.612.680	7.318.606.765
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.609.122.536	1.610.093.488

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty	6.343.840.144	5.705.999.067
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty	6.343.840.144	5.705.999.067
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	793	713

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội kiểm toán.

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

NGUYỄN VĂN HÙNG

Kế toán trưởng

VŨ THỊ VÂN ANH



PHẠM HUY THÀNH

